

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-PT
Ngày 25 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường;

Bà Vương Thị Thu Hà;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DSTC-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2023/QĐ-PT ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Đình B, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 184a, đường L, tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T; địa chỉ: Tổ 1, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Triệu Là Ph, bà Đặng Thị N; địa chỉ: Số nhà 129, đường L, tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

3. Người kháng cáo: Ông Triệu Là Ph là Bị đơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ngày 23/5/2019 ông Vũ Đình B đã cho ông Triệu Là Ph và bà Đặng Thị N vay số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỉ năm trăm triệu đồng). Khi vay tiền ông Ph và bà N có ký giấy vay tiền đề ngày 23/5/2019, thời hạn vay 1 năm ngày trả tiền là ngày 23/5/2020 để làm căn cứ xác nhận việc vay tiền nêu trên. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, tuy nhiên giữa ông B và ông Ph có thỏa thuận là hàng tháng ông Ph và bà N phải trả lãi của khoản vay nêu trên, mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Sau khi vay được tiền ông Ph và bà N không trả nợ số tiền gốc theo thỏa thuận, đồng thời đã để quá hạn của khoản vay từ ngày 24/5/2020. Trong thời gian vay tiền ông Ph đã trả cho ông B một phần số tiền lãi và từ tháng 7/2022 đến nay ông Ph và bà N không trả lãi cho ông B và cũng không trả số tiền nợ gốc 2.500.000.000đ. Do vậy, ông B khởi kiện yêu cầu ông Ph bà N phải trả số tiền gốc là 2.500.000.000đ và số tiền lãi suất theo lãi quy định của pháp luật, thời hạn tính lãi từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử 21/6/2023.

- Bị đơn Ông Triệu Là Ph trình bày: Ông Ph xác nhận việc vợ chồng ông bà có vay của ông B số tiền 2.500.000.000đ vào ngày 23/5/2019 là đúng. Khi vay tiền ông và bà N có ký giấy vay tiền xác nhận khoản nợ nêu trên, trong giấy không ghi lãi suất. Ông Ph khẳng định khoản tiền ông bà vay của ông B là loại vay có lãi (nội dung thỏa thuận lãi và mức lãi là 2000/1 triệu/1 ngày, thỏa thuận miệng) và thực tế ông bà đã trả lãi cho ông B rất nhiều lần, các lần trả lãi ông là người trực tiếp trả cho ông B bằng tiền mặt, khi trả tiền lãi giữa ông và ông B không viết giấy xác nhận chỉ nói miệng với nhau. Có một vài lần ông trả tiền lãi cho ông B bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của bà M (vợ ông B), cụ thể: Ngày 27/12/2021 chuyển 40.000.000; ngày 27/01/2022 chuyển 30.000.000; ngày 06/4/2022 chuyển 55.000.000; ngày 10/6/2022 chuyển 50.000.000. Sau đó ông bà gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả lãi cho ông B nữa. Đối với số tiền lãi suất ông đã trả cho ông B từ khi vay tiền đến lần cuối cùng là ngày 10/6/2022 ông nhất trí và không tranh chấp về mức lãi suất và số tiền đã trả lãi, không đề nghị giải quyết đối trừ lãi. Quan điểm của ông và bà N đều nhất trí trả số tiền nợ gốc 2.500.000.000, không nhất trí trả số tiền lãi tiếp theo từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử vì lý do đã trả lãi nhiều rồi, nên ông bà không trả lãi nữa.

- Bà Đặng Thị N trình bày: Theo bản tự khai ngày 01/3/2023 và quá trình giải quyết bà N xác nhận lời khai của ông Ph là đúng, bà nhất trí với ý kiến của ông Ph, để ông bà thu xếp trả số tiền nợ gốc 2.500.000.000 cho ông B, không nhất trí trả lãi tiếp theo từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử.

Tại bản án sơ thẩm số 13/2023/DSTC-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H tuyên xử: Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1.3, 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình B về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Xử: Buộc ông Triệu Là Ph và bà Đặng Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Vũ Đình B số tiền là 2.863.125.000đ (Hai tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2023, ông Ph có Đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm mà ông Ph đã trả cho ông B.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Triệu Là Ph giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Ph cho rằng lãi suất do hai bên thỏa thuận là không cố định vì thời gian đầu ông Ph trả lãi 2.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, nhưng sau đấy ông Ph không có tiền nên có tháng trả lãi, có tháng không trả. Nay ông đề nghị Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) cấp phúc thẩm xem xét lại cách tính lãi suất của Tòa án cấp sơ thẩm là quá cao, giảm bớt mức lãi suất mà ông phải chịu.

Nguyên đơn ông Vũ Đình B xác nhận lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng và việc trả lãi đúng như ông Ph trình bày. Mặc dù ông Ph, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy vay tiền, nhưng ông B chỉ yêu cầu ông Ph trả nợ gốc là 2.500.000.000^d, nợ lãi tính từ ngày 01/7/2022 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Ông B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất đúng quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Ph, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DSTC-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu quan điểm về vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX), Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 466; khoản 2 Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết quan hệ tranh chấp trong vụ án là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Nội dung kháng cáo của ông Ph là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2023/DSTC-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Ph, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 21/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hg mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, ngày 04/7/2023 ông Triệu Là Ph là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DSTC-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H về phần lãi suất phải trả. Xét đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng cáo của ông Ph được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của Bị đơn: Không nhất trí trả khoản tiền lãi suất từ tháng 7/2022 đến 21/6/2023 là 363.125.000đ. Xét thấy:

[3] Ngày 23/5/2019 ông Triệu Là Ph, Đặng Thị N ký hợp đồng vay tài sản bằng “Giấy mượn tiền” với ông Vũ Đình B với số tiền là 2.500.000.000^d (Hai tỉ năm trăm triệu đồng) trong thời hạn 01 năm (hạn trả cuối cùng là ngày 23/5/2020). Tuy nhiên, ông Ph, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông B theo đúng giấy mượn đã thỏa thuận. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình B về yêu cầu vợ chồng ông Ph trả số tiền nợ gốc là có căn cứ.

[4] Mặc dù không thỏa thuận về lãi suất trên hợp đồng nhưng trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn xác định khoản vay là có lãi, thỏa thuận về lãi suất bằng miệng là 2 nghìn/1 triệu/ngày (tính phần trăm là 6%/ tháng, 72%/năm) không ghi nhận trong giấy vay tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Ph cho rằng thực tế vợ chồng ông Ph chỉ trả lãi cho ông B theo thỏa thuận trong thời gian đầu, sau đó do điều kiện kinh tế khó khăn, ông Ph trả lãi không đúng với lãi suất thỏa thuận, ông B cũng nhất trí, có tháng còn không trả lãi. Nguyên đơn ông B xác nhận việc trả lãi của vợ chồng ông Ph đúng như ông Ph trình bày. Như vậy, Hợp đồng vay tiền giữa vợ chồng ông Ph và ông B là hợp đồng có lãi suất, không xác định được lãi suất cụ thể nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong hạn cho hợp đồng vay tiền này là 10%/năm tức 0,83%/tháng.

[5] Vợ chồng ông Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận của hợp đồng từ ngày 23/5/2020, nhưng thực tế vẫn tiếp tục trả lãi cho ông B. Trong suốt quá trình tố tụng, ông B chỉ yêu cầu vợ chồng ông Ph trả lãi tính từ ngày 01/7/2022, xét yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông B. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vợ chồng ông Ph phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi quá hạn, buộc vợ chồng ông Ph phải trả nợ gốc là 2.500.000.000^d cộng với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn (từ ngày 01/7/2022 đến ngày 21/6/2023) là 363.125.000đ, tổng cộng là 2.863.125.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì các loại lãi cần tính là lãi trong hạn, lãi trên nợ lãi chưa trả, lãi quá hạn.

[6] Từ những nhận định trên không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn ông Triệu Là Ph giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông Ph và bà N có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông B số tiền là 2.863.125.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 363.125.000 đồng).

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Buộc ông Triệu Là Ph và bà Đặng Thị N phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 89.262.500đ (Tám mươi chín triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự

Không chấp nhận kháng cáo của ông Triệu Là Ph, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DSTC-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án; khoản 5 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì các loại lãi cần tính là lãi trong hạn, lãi trên nợ lãi chưa trả, lãi quá hạn; điểm đ khoản 1.3, mục II danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Ph và bà N có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông B 2.863.125.000đ (Hai tỉ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Triệu Là Ph và bà Đặng Thị N phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 89.262.500đ (Tám mươi chín triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Trả lại cho ông Vũ Đình B số tiền tạm ứng án phí 46.000.000đ (Bốn sáu triệu đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, biên lai thu số 0000860 ngày 07/02/2023 (Nguyễn Thị Ánh T nộp thay).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Triệu Là Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0001010 ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND thành phố H
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường - Vương Thị Thu Hà

Đỗ Thị Kim Quy

